Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 4601.22.00

Mã HS	4601.22.00
Mô tả hàng hóa	Dây tết bện và các sản phẩm tương tự làm bằng vật liệu tết bện, đã hoặc chưa ghép thành dải; các vật liệu tết bện, các dây bện và các sản phẩm tương tự bằng vật liệu tết bện, đã kết lại với nhau trong các tao dây song song hoặc đã được dệt, ở dạng tấm, có hoặc không ở dạng thành phẩm (ví dụ, chiếu, thảm, mành) / - Chiếu, thảm và mành bằng vật liệu thực vật: / - - Từ song mây
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	11/11/2026 11:28:46
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/46012200/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	30	30%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K7195
Thuế NK ưu đãi (MFN)	20	20%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N7195
Thuế GTGT (VAT)	5/8/10	5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q7195
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	4	4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	14	14%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E6963
ATIGA	2022	2022	0	AT!E6918
ATIGA	2023	2023	0	AT!F6918
ATIGA	2024	2024	0	AT!G6918
ATIGA	2025	2025	0	AT!H6918
ATIGA	2026	2026	0	AT!I6918
ATIGA	2027	2027	0	AT!J6918
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	2	AJ!E6968
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F6968
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G6968
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H6968

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I6968
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J6968
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	4	VJ!E6970
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	2	VJ!F6970
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G6970
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H6970
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I6970
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J6970
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F6970
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H6924
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F6926
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G6926
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H6926
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I6926
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J6926
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K6926
VKFTA	2022	2022	0	VK!E6946
VKFTA	2023	2023	0	VK!F6946
VKFTA	2024	2024	0	VK!G6946
VKFTA	2025	2025	0	VK!H6946
VKFTA	2026	2026	0	VK!I6946
VKFTA	2027	2027	0	VK!J6946
VCFTA	2022	2022	5	VC!D7001
VCFTA	2023	2023	2	VC!E7001
VCFTA	2024	2024	0	VC!F7001
VCFTA	2025	2025	0	VC!G7001

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H7001
VCFTA	2027	2027	0	VC!I7001
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D6981
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E6981
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F6981
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G6981
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H6981
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I6981
AHKFTA	2022	2022	12	AKH!D6989
AHKFTA	2023	2023	8	AKH!E6989
AHKFTA	2024	2024	8	AKH!F6989
AHKFTA	2025	2025	4	AKH!G6989
AHKFTA	2026	2026	4	AKH!H6989
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I6989
EVFTA	2022	2022	10	EV-NK!D6982
EVFTA	2023	2023	6,6	EV-NK!E6982
EVFTA	2024	2024	3,3	EV-NK!F6982
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G6982
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H6982
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I6982
UKVFTA	2022	2022	10	UKV!D6983
UKVFTA	2023	2023	6,6	UKV!E6983
UKVFTA	2024	2024	3,3	UKV!F6983
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G6983
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H6983
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I6983

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D6949
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E6949
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F6949
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G6949
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H6949
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I6949
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J6949
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D6983
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E6983
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F6983
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G6983
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H6983
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I6983
RCEP B	2022	2022	0	B!D6983
RCEP B	2023	2023	0	B!E6983
RCEP B	2024	2024	0	B!F6983
RCEP B	2025	2025	0	B!G6983
RCEP B	2026	2026	0	B!H6983
RCEP B	2027	2027	0	B!I6983
RCEP C	2022	2022	0	C!D6983
RCEP C	2023	2023	0	C!E6983
RCEP C	2024	2024	0	C!F6983
RCEP C	2025	2025	0	C!G6983
RCEP C	2026	2026	0	C!H6983
RCEP C	2027	2027	0	C!I6983
RCEP D	2022	2022	0	D!D6983

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E6983
RCEP D	2024	2024	0	D!F6983
RCEP D	2025	2025	0	D!G6983
RCEP D	2026	2026	0	D!H6983
RCEP D	2027	2027	0	D!I6983
RCEP E	2022	2022	0	E!D6986
RCEP E	2023	2023	0	E!E6986
RCEP E	2024	2024	0	E!F6986
RCEP E	2025	2025	0	E!G6986
RCEP E	2026	2026	0	E!H6986
RCEP E	2027	2027	0	E!I6986
RCEP F	2022	2022	0	F!D6983
RCEP F	2023	2023	0	F!E6983
RCEP F	2024	2024	0	F!F6983
RCEP F	2025	2025	0	F!G6983
RCEP F	2026	2026	0	F!H6983
RCEP F	2027	2027	0	F!I6983
VIFTA	2024	2024	18	VI!F6454
VIFTA	2025	2025	16	VI!G6454
VIFTA	2026	2026	14	VI!H6454
VIFTA	2027	2027	12	VI!I6454

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: Hàng tiêu dùng QSD cấp NK (08/2023/TT-BCT - PL1.I)		08/2023/TT-BCT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: HH tạm ngừng KD TNTX CK (08/2023/TT-BCT - PL2)		08/2023/TT-BCT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 4601.22.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 20% của mã 4601.22.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N7195), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Hàng tiêu dùng QSD cấp NK (08/2023/TT-BCT - PL1.I)
HH tạm ngừng KD TNTX CK (08/2023/TT-BCT - PL2)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.